

TUẦN 5

Bài 9 : SỰ PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ LÂM NGHIỆP, THỦY SẢN

I. Lâm nghiệp :

1. Tài nguyên rừng:

- Diện tích rừng còn nhiều nhưng nay bị suy giảm
- Tổng diện tích rừng 11,6 triệu ha, độ che phủ 35% , tỉ lệ này còn thấp.

Tính cơ cấu của các loại rừng (bảng 9.1/34)

- Cơ cấu các loại rừng:

- Rừng sản xuất : (40.9 %) :
- Rừng phòng hộ (46.6 %)
- Rừng đặc dụng (12.5 %)

* ý nghĩa các loại rừng: SGK trang 34

2. Sự phát triển và phân bố lâm nghiệp:

- Khai thác chế biến gỗ lâm sản ở miền núi Trung du
- Trồng rừng : tăng độ che phủ rừng , phát triển mô hình nông lâm kết hợp góp phần bảo vệ rừng và nâng cao đời sống nhân dân .

3. Giá trị kinh tế của rừng:

- Điều hòa khí hậu.
- Chống xói mòn, hạn chế lũ lụt.
- Ngăn gió, chống cát bay.
- Cung cấp đồng thực vật rừng quý hiếm.

4. Tại sao khi khai thác phải đi đôi với việc bảo vệ rừng?

- Góp phần làm cho diện tích rừng được phát triển bền vững.
- Bảo vệ môi trường sinh thái
- Tác động tốt đến ngành kinh tế khác.
- Nâng cao đời sống người dân
- Ngược lại nếu khai thác không bảo vệ thì tài nguyên rừng sẽ cạn kiệt.

II. Ngành thủy sản

1. Nguồn lợi thủy sản

- Đánh bắt tại 4 ngư trường trọng điểm là:
 - Quảng Ninh – Hải Phòng.
 - Quần đảo Hoàng Sa – Trường Sa
 - Ninh Thuận – Bình Thuận – Bà Rịa Vũng Tàu.
 - Cà Mau – Kiên Giang.

● Thuận lợi:

- Dọc bờ biển có nhiều bãi, đầm phá, rừng ngập mặn.
- Có nhiều vùng biển ven các đảo, vũng, vịnh
- nước ta có nhiều sông, suối, ao, hồ
- đó là điều kiện để phát triển ngành đánh bắt và nuôi trồng thủy hải sản, nước lợ, nước mặn, nước ngọt.

● Khó khăn:

- Thiên tai, biến động, môi trường bị suy thoái, nguồn lợi bị suy giảm.
- Hạn chế về nguồn vốn đầu tư, kỹ thuật , quy mô thủy sản nhỏ.

2. Sự phát triển và phân bố của ngành thủy sản.

a) Sự phát triển:

- Tổng sản lượng thủy sản ngày càng tăng rất nhanh.
- trong đó nuôi trồng có tốc độ tăng nhanh hơn khai thác.
- nhưng sản lượng thủy sản khai thác luôn lớn hơn nuôi trồng.

b) Phân bố (Độc TBĐ): khai thác và đánh bắt.
